



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN
VICEM BUT SON CEMENT JOINT STOCK COMPANY

HỒ SƠ NĂNG LỰC

ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI PROFILE OF WASTE CO-PROCESSING CAPACITY

MÔI TRƯỜNG HÔM NAY • CUỘC SỐNG NGÀY MAI

Today's Environment • Tomorrow's Life





GIỚI THIỆU	4
INTRODUCTION	
NĂNG LỰC XỬ LÝ	5
HANDLING CAPACITY	
ĐỊNH HƯỚNG CỦA VICEM BÚT SƠN CHO MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	6
VICEM BUT SON ORIENTATION FOR SOCIAL ENVIRONMENT	
ƯU ĐIỂM	7
ADVANTAGES	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	8
TECHNOLOGICAL DIAGRAM	
QUY TRÌNH ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI	9 - 16
WASTE CO-PROCESSING PROCESS	
AN TOÀN LAO ĐỘNG	17
LABOR SAFETY	
ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG	18
PARTNER AND CUSTOMERS	
HỒ SƠ PHÁP LÝ	19 - 33
LEGAL RECORDS	



GIỚI THIỆU

Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn (VICEM Bút Sơn) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam có trụ sở tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

VICEM Bút Sơn có 2 dây chuyền sản xuất bằng lò quay phương pháp khô, thiết bị đồng bộ, hiện đại, mức độ tự động hóa cao, sản xuất sản phẩm chất lượng tốt, ổn định và đảm bảo các chỉ tiêu môi trường. Dây chuyền số 1 công nghệ và thiết bị của hãng Technip CLE Cộng hòa Pháp, dây chuyền số 2 công nghệ và thiết bị của hãng Kawasaki Nhật Bản. Tổng công suất 2,8 triệu tấn clinker/năm.

Định hướng chiến lược "Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên không tái tạo" theo mô hình "Kinh tế tuần hoàn". VICEM Bút Sơn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 291/GPMT-BTNMT ngày 07/11/2022 cho phép sử dụng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại làm nguyên, nhiên liệu thay thế và đồng xử lý chất thải trong sản xuất xi măng. Khối lượng tiếp nhận và đồng xử lý 224.400 tấn chất thải nguy hại/năm, 179.000 tấn chất thải rắn thông thường/năm và bùn tự nhiên 500.000 tấn/năm trên phạm vi toàn quốc.



INTRODUCTION

VICEM But Son Cement Joint Stock Company (VICEM But Son) is a member unit of Vietnam Cement Corporation, headquartered in Thanh Son commune, Kim Bang district, Ha Nam province.

VICEM But Son has 2 production lines using dry method rotary kilns, synchronous and modern equipment, high degree of automation, producing good and stable quality products and ensuring environmental standards. Line No.1 technology and equipment of Technip CLE of France, line No. 2 of technology and equipment of Kawasaki Japan. Total capacity of 2.8 million tons of clinker/year.



Strategic orientation "Production goes hand in hand with environmental protection, saving non-renewable resources" according to the "Circular economy" model. VICEM But Son has been granted the Environmental License No. 291/GPMT-BTNMT by the Ministry of Natural Resources and Environment on November 7, 2022, allowing the use of ordinary solid waste, hazardous waste as raw materials, alternative fuels and fuels. co-treatment of waste in cement production. The volume of receiving and co-processing 224,400 tons of hazardous waste/year, 179,000 tons of ordinary solid waste/year and natural sludge of 500,000 tons/year nationwide.

NĂNG LỰC XỬ LÝ / Handling Capacity

ĐỒNG XỬ LÝ AN TOÀN

Safe Handling

403.400 Tấn

CHẤT THẢI / năm

403,400 tons - waster / year

500.000 Tấn

BÙN TỰ NHIÊN / năm

500,000 tons - Natural mud / year

CHUNG TAY GIẢM PHÁT THẢI / Join Hands To Reduce Emissions

339.000 Tấn

KHÍ THẢI NHÀ KÍNH / năm

339,000 tons / year

Greenhouse Gas Emissions

ĐỊNH HƯỚNG CỦA VICEM BÚT SƠN CHO MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

VICEM BUT SON ORIENTATION FOR SOCIAL ENVIRONMENT

- **Tạo sự thay đổi tích cực cho môi trường**
Make a positive change for the Environment
- **Tiên phong trong sự nghiệp phát triển bền vững**
Pioneering in the cause of sustainable development

VỚI 3 GIÁ TRỊ CỐT LÕI

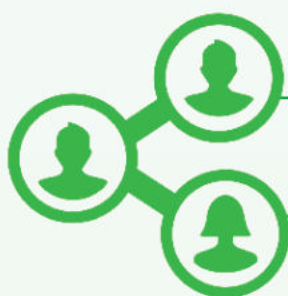
THƯỜNG XUYÊN
ĐỔI MỚI & SÁNG TẠO

LẤY KHÁCH HÀNG
LÀM TRỌNG TÂM

TRÁCH NHIỆM

VICEM BÚT SƠN LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM

VICEM BUT SON PAINT PEN CUSTOMERS CENTRALLY US



Làm việc với tinh thần hợp tác và chia sẻ

Working in a spirit of cooperation and sharing



Giữ uy tín đối với khách hàng

Maintain credibility with customers



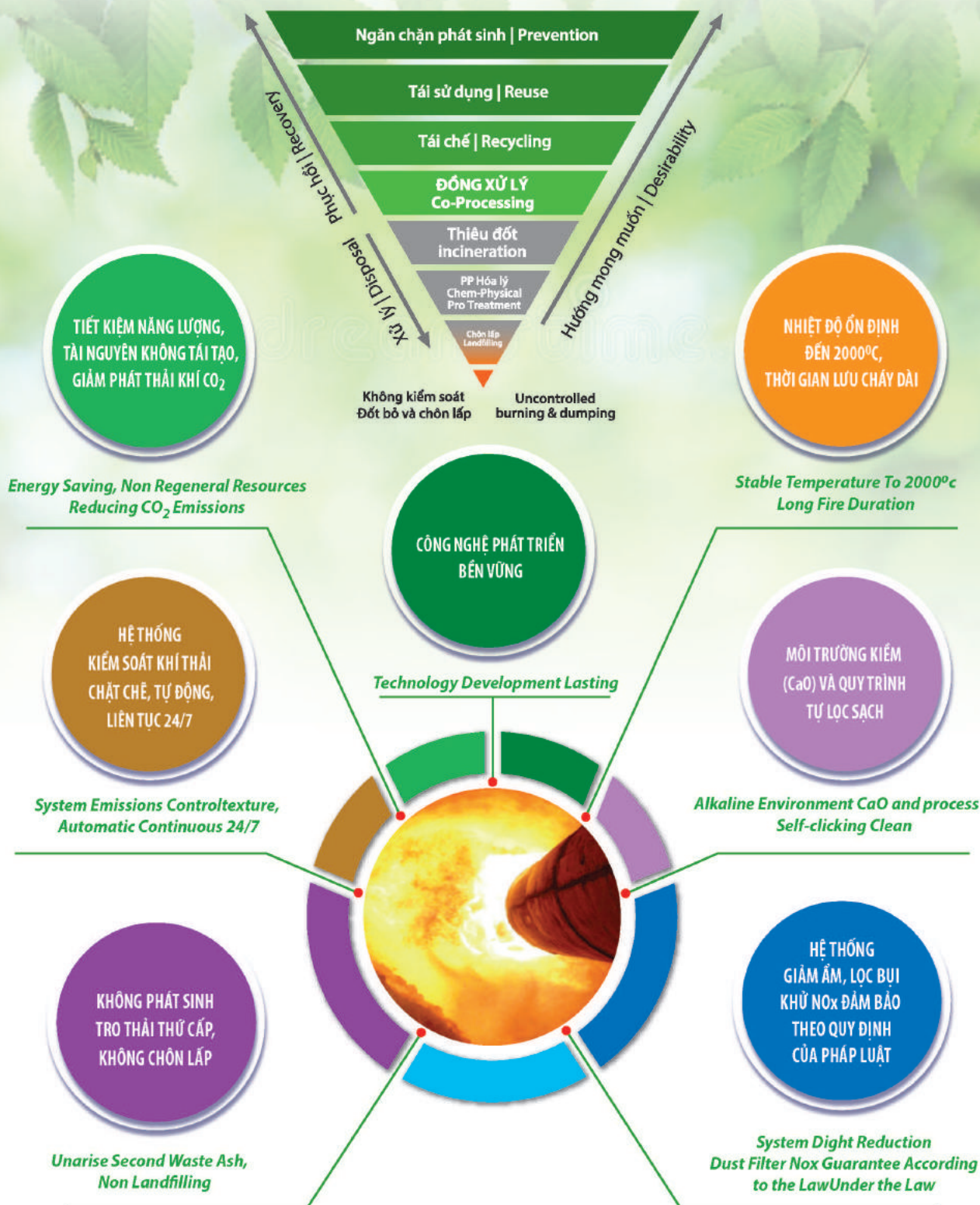
Nâng cao giá trị cho khách hàng

Adding value to customers

ƯU ĐIỂM

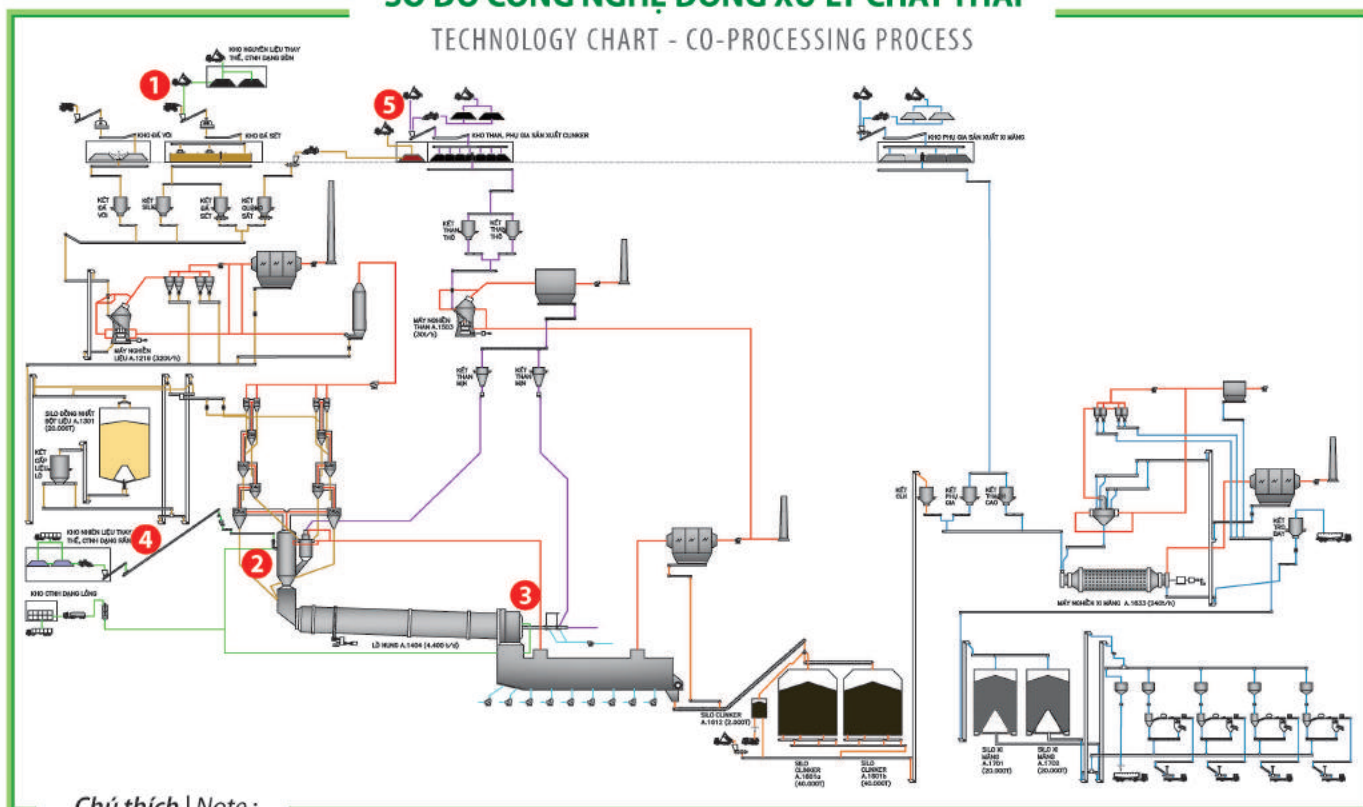
Phương pháp đồng xử lý chất thải trong lò nung clinker là phương pháp tiên tiến, xử lý triệt để các loại chất thải

The method of waste co-treatment in clinker kilns is an advanced method that thoroughly treats all kinds of waste



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

TECHNOLOGY CHART - CO-PROCESSING PROCESS



Chú thích | Note :

- Vị trí 1** **Cấp chất thải rắn/bùn**
Supply of solid waste / sludge
- Vị trí 2** **Cấp chất thải lỏng tại Calciner**
Dispensing liquid waste at Calciner
- Vị trí 3** **Cấp chất thải lỏng tại cuối lò nung**
Supply liquid waste at the end of the Kiln
- Vị trí 4** **Cấp chất thải rắn qua băng tải và van quay tại Calciner làm nhiên liệu thay thế**
Feed solid waste through conveyors and rotary valves at Calciner
- Vị trí 5** **Cấp chất thải rắn qua đường than mịn, nạp tại Calciner và cuối lò nung**
Supply of solid waste through the fine coal line, loaded at Calciner and the end of the Kiln

Chỉ thị màu / Color Path

- Đường khí cấp cho quá trình cháy của nhiên liệu** - The path of the supply gas for the combustion of fuel
- Đường khí thải** - The path of the exhaust gas
- Đường hỗn hợp bột liệu và chất thải rắn không được đồng xử lý bằng phương pháp thiêu đốt trực tiếp (chất thải đã được nghiền thành bột mịn)** - The path of the mixture of raw powder and solid waste that cannot be co-treated by direct incineration (waste has been pulverized)
- Đường hỗn hợp chất thải và nhiên liệu cung cấp cho buồng tiền nung Calciner và lò nung clinker** The path of the waste and fuel mixture supplied to the Calciner preheat chamber and the clinker
- Đường cấp chất thải có thể xử lý được bằng phương pháp thiêu đốt trực tiếp** - The waste line can be treated by direct incineration

QUY TRÌNH ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

WASTE COOPERATION PROCESSING

Chất thải được xử lý triệt để tại vòì đốt chính và vòì đốt Calclner với nhiệt độ đến 2000°C

Waste is thoroughly treated at the main burner and Calclner burner with a temperature of up to 2000°C

Kiểm tra, phân tích, đánh giá phân loại mã chất thải, đề xuất giải pháp xử lý phù hợp

Check, analyze, evaluate, classify waste codes, propose suitable treatment solutions



Theo đặc tính vật lý/hóa học, chất thải được phân loại, sơ chế để nạp vào các vị trí xử lý phù hợp

According to physical/chemical characteristics, waste is classified, preliminarily processed to be loaded into suitable treatment sites

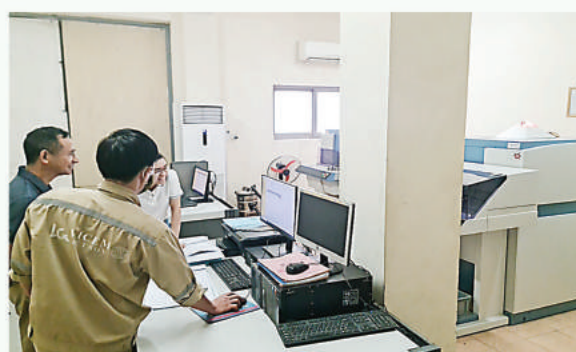
Quá trình thu gom vận chuyển bằng phương tiện gắn GPS và được kiểm soát chặt chẽ, an toàn

The process of collection and transportation by means of GPS mounted and strictly controlled and safe

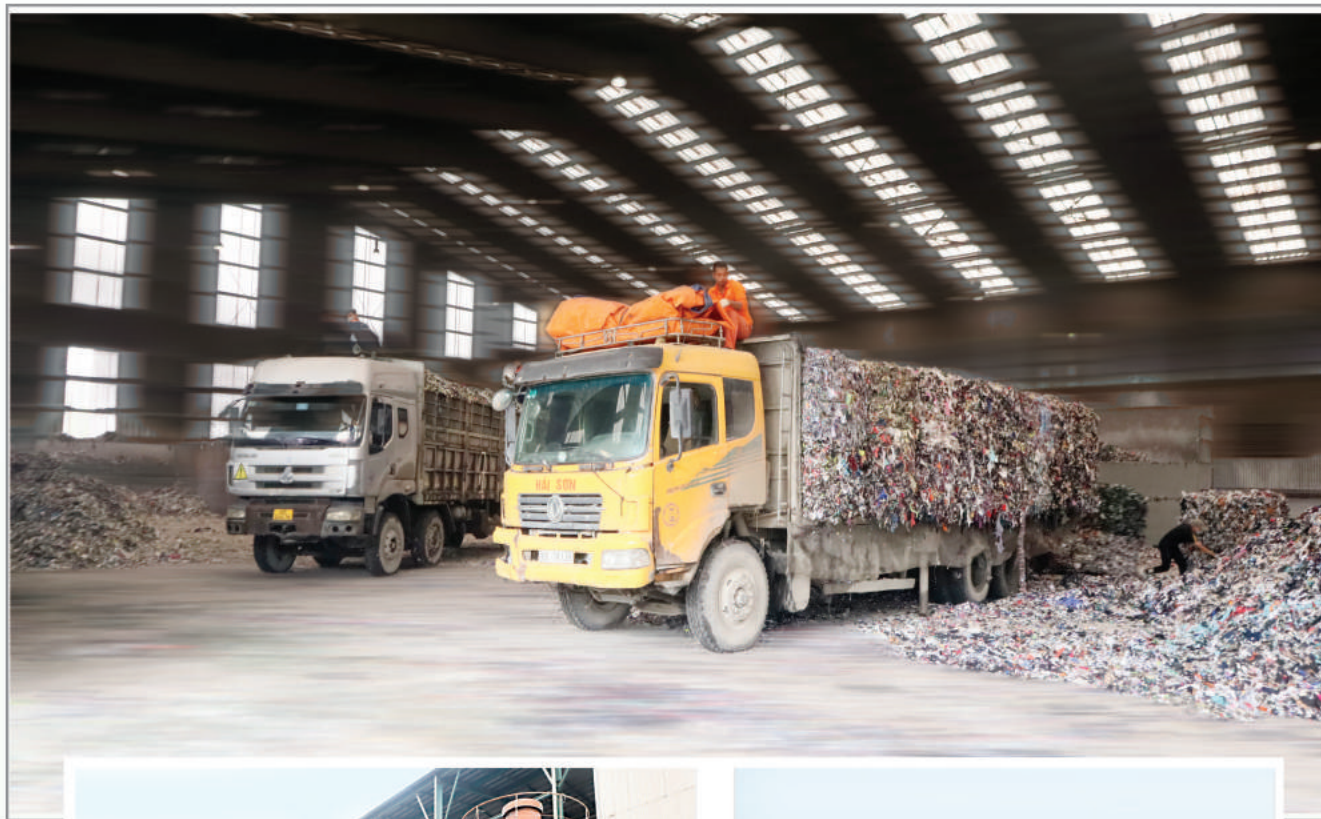
Kiểm tra, đánh giá chất thải | Check and evaluate waste



Nhân viên Phòng thí nghiệm kiểm tra đánh giá mẫu chất thải
Laboratory staff inspect and evaluate waste samples



Thu gom, vận chuyển | Collection and transportation



Xe vận chuyển, thu gom chất thải
Vehicles transporting and collecting waste



Thu gom, vận chuyển | Collection and transportation



Xe vận chuyển, thu gom chất thải
Vehicles transporting and collecting waste



Tiếp nhận, sơ chế | Receiving and processing



Kho nguyên liệu đá vôi sức chứa 16.000 tấn
Limestone material warehouse with a capacity of 16,000 tons



Kho nguyên liệu đá sét sức chứa 7.000 tấn
Clay material warehouse with a capacity of 7,000 tons



Kho chứa bùn thải nguy hại diện tích 1080m²
Hazardous sludge storage



Kho chứa than và các vật liệu phụ gia
sức chứa 20.000 tấn
Coal storage and additive materials capacity 20,000 tons



Kho chứa rác công nghiệp (diện tích 2.820m²)
Industrial waste storage (area 2,820m²)

Tiếp nhận, sơ chế | Receiving and processing

Bãi chứa bùn thải thông thường
Sludge dump



Kho chứa chất thải lỏng
Liquid waste storage



02 máy cán đá sét năng suất 250 t/h
02 Clay crusher with capacity of 250 t/h



Máy cắt thô năng suất 5-7 t/h
Coarse cutting machine capacity 5-7 t/h



Máy cắt tinh năng suất 4-6 t/h
Fine cutting machine with capacity 4-6 t/h



02 máy nghiền liệu năng suất 320 t/h
02 Raw Meal capacity 320 t/h

Đồng xử lý chất thải | Co-processing



Băng tải vận chuyển chất thải lên đốt tại 2 Calciner

Belt Conveyor transport waste to burn at 2 Calciner



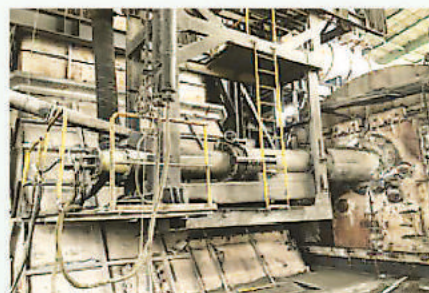
Lò nung clinker kết hợp đồng xử lý chất thải nguy hại

Clinker Kiln incorporate Co-Processing hazardous waste



2 Lò nung có tổng công suất 8.500 tấn clinker/ngày

2 Furnace with total capacity 8,500 tons of clinker/day



02 hệ thống vòi đốt lò xử lý chất thải nguy hại rắn và lỏng

02 Kiln burner system for waste treatment solid and liquid hazardous



02 Hệ thống van quay cấp liệu năng suất của mỗi hệ thống 20 t/h

02 rotary feed valve system capacity 20 t/h



Hệ thống nạp chất thải lỏng nguy hại năng suất 2-5t/h

Liquid waste filling system hazardous capacity 2-5 t/h

Đồng xử lý chất thải | Co-processing



Phòng điều khiển trung tâm (toàn bộ quá trình sản xuất, đồng xử lý được tự động)

Central control room (The whole production process, co-processing is automatic)



07 Hệ thống lọc bụi tĩnh điện

07 Electrostatic dust filter system



Thiết bị điều khiển xử lý khí thải NOx của lò nung clinker

Control device for NOx emission treatment of clinker kiln



Hệ thống xử lý nước thải

Waste water treatment system



08 hệ thống quan trắc khí thải tự động

08 Emission monitoring station



02 Hệ thống rửa xe tự động

02 automatic car wash system



Phương tiện phòng cháy chữa cháy

Means of fire prevention

An toàn lao động - Thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp

Occupational safety - Emergency response equipment



ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG | Partner and Customers



VICEM Bút Sơn hợp tác với các đối tác và khách hàng chung tay xử lý các vấn đề về môi trường đặc biệt là đồng xử lý chất thải

  	  	   TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
     	    	     
		 
   	   	   

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HÀ NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0700117613

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 07 tháng 01 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VICEM BUTSON CEMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên công ty viết tắt: **VICEM BUTSON**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại: **03513851323**

Fax: **03513851320**

Email: **butsonhc@hn.vnn.vn**

Website: **vicembutson.com.vn;**
vicembutson.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **1.235.598.580.000 đồng**

Bằng chữ: Một nghìn hai trăm ba mươi lăm tỷ năm trăm chín mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **123.559.858**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: ĐỖ TIẾN TRÌNH**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: **14/06/1979**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **171848306**

Ngày cấp: **19/05/2011**

Nơi cấp: **Công an tỉnh Thanh Hóa**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn 1905 - Tòa T1 - Ct01 - Trung tâm Tài chính Thương mại và Các công trình phụ trợ - Khu đô thị mới Mỹ Lao, Phường Mỹ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn 1905 - Tòa T1 - Ct01 - Trung tâm Tài chính Thương mại và Các công trình phụ trợ - Khu đô thị mới Mỹ Lao, Phường Mỹ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



DEPARTMENT OF PLANNING AND
INVESTMENT OF HA NAM PROVINCE
BUSINESS REGISTRATION OFFICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION
FOR JOINT-STOCK COMPANY**

Nº: 0700117613

*The first registration dated May 1st, 2006
The 13th registration of change dated January 7th, 2021*

1. Company's name:

Company's name: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN
Transaction name: VICEM BUT SON CEMENT JOINT STOCK COMPANY
Abbreviated name: VICEM BUTSON

2. Head office's address:

Thanh Son Commune, Kim Bang District, Ha Nam Province, Vietnam
Tel: 03513851323 Fax: 03513851320
Email: *butsonhc@hn.vnn.vn* Website: *vicembutson.com.vn*
vicembutson.vn

3. Charter capital

Charter capital: 1,235,598,580,000 VND

In words: One thousand two hundred and thirty-five billion five hundred and ninety-eight million five hundred and eighty thousand

Face value of share: 10,000 VND

Total number of shares: 123,559,858

8. Legal representative of the Company

Full name: DO TIEN TRINH

Sex: Male

Position: General Director

Date of birth: 14/06/1979

Ethnic group: Kinh

Nationality: Vietnamese

Type of identification document:

Identity card

No. : 171848306

Date of issue : 19/05/2011

Place of issue: Thanh Hoa Province Public Security

Permanent residence: Apartment 1905 - T1 - Ct01 - Financial Center Trade and Support Works
Mo Lao New Urban Area, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

Present address: Apartment 1905 - T1 - Ct01 - Financial Center Trade and Support Works
Mo Lao New Urban Area, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

HEAD OF OFFICE
(Signed and sealed)

PHAM THI THU HA

CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO | Iso Quality Management Certificate



ISO 9001:2015

ISO 14001:2015

ISO 45001:2018



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 291 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 2163/BTS-KTAT&MT ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn về việc giải trình, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn, địa chỉ tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy Xi măng VICEM Bút Sơn (nâng công suất sản xuất dây chuyền 1 từ 4.000 tấn clinker/ngày lên 4.500 tấn clinker/ngày, dây chuyền 2 từ 4.000 tấn clinker/ngày lên 5.000 tấn clinker/ngày và sử dụng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại làm nguyên, nhiên liệu thay thế và đồng xử lý chất thải trong sản xuất xi măng)" tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Nhà máy Xi măng VICEM Bút Sơn (nâng công suất sản xuất dây chuyền 1 từ 4.000 tấn clinker/ngày lên 4.500 tấn clinker/ngày, dây chuyền 2 từ 4.000 tấn clinker/ngày lên 5.000 tấn clinker/ngày và sử dụng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại làm nguyên, nhiên liệu thay thế và đồng xử lý chất thải trong sản xuất xi măng)".

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700117613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 01/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 07/01/2021.

1.4. Mã số thuế: 0700117613

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất clinker, xi măng và đồng xử lý, sử dụng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại làm nguyên, nhiên liệu thay thế và đồng xử lý chất thải trong sản xuất xi măng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích nhà máy và các hạng mục công trình phụ trợ: 89,9448ha. Trong đó: diện tích trong hàng rào nhà máy là 85,55ha và diện tích công trình phụ trợ ngoài hàng rào là 4,3948ha.
- Công suất: Tổng công suất 2 dây chuyền của dự án là 8.500 tấn clinker/ngày. Trong đó: Dây chuyền 1 công suất 4.500 tấn clinker/ngày, dây chuyền 2 công suất 4.000 tấn clinker/ngày; Khối lượng tiếp nhận và đồng xử lý chất thải: 224.400 tấn chất thải nguy hại/năm, 179.000 tấn chất thải rắn công nghiệp thông thường/năm và bùn tự nhiên 500.000 tấn/năm (chi tiết tại Phụ lục 4 Giấy phép này).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày 07... tháng 11... năm 2022 đến ngày 06... tháng 11... năm 2029).

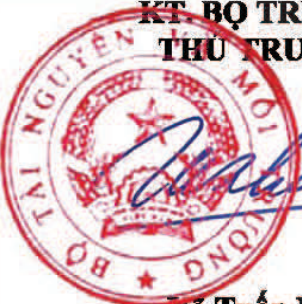
Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
-
- Sở TN&MT tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
-
- Lưu: VT, TCMT, Đ.12




**KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 4

NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29.1 /GPMT-BTNMT ngày 07.. tháng .11. năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại:

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Hệ thống đồng xử lý chất thải trong sản xuất clinker gồm: - Lò nung sản xuất clinker xi măng dây chuyền 1 - Lò nung sản xuất clinker xi măng dây chuyền 2	4.500 tấn clinker/ngày	01
		4.000 tấn clinker/ngày	01
2	Hệ thống tiền xử lý chất thải, gồm: - Máy cắt thô - Máy cắt tinh - Máy cán sét	- 7 tấn/giờ	01
		- 6 tấn/giờ	01
		- 250 tấn/giờ/máy	02
3	Hệ thống nghiền bột liệu	320 tấn/giờ/hệ thống	02
4	Hệ thống van quay cấp liệu	20 tấn/giờ/dây chuyền	02
5	Hệ thống van lật 2 tầng	20 tấn/giờ/dây chuyền	02
6	Hệ thống cấp chất thải lỏng	2-5 tấn/giờ/hệ thống	02
7	Hệ thống cấp chất thải rắn vào Calciner hoặc cuối lò quay	20 tấn/giờ/hệ thống	02

2. Danh mục chất thải và khối lượng:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Phương án xử lý	Số lượng (kg/năm)
I	Chất thải được đồng xử lý, nạp vào lò nung clinker theo đường tháp trao đổi nhiệt			80.800.000
1.1	Các loại bùn, đất, đá thải	01 01 02 01 03 01 01 03 02 01 04 01 01 04 02 01 04 05 01 04 10 04 02 05 05 01 03 05 02 09		

		05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 05 10 01 05 11 02 06 01 03 06 01 05 07 01 04 07 01 05 07 01 08 07 03 07 07 03 09 08 02 02 08 03 02 10 01 06 11 05 01 11 05 02 11 05 03 12 02 02 12 06 05 12 07 01 01 07 01 12 09 02 12 09 03 15 02 13 17 05 02 17 05 03 17 08 05		
1.2	Các loại cặn xử lý khí và đất thải	03 02 05 03 02 07 04 02 03 05 01 01 05 01 04 05 02 08 05 03 05 05 04 02 05 05 02 06 01 04 06 01 06 06 02 01 06 02 02 06 03 02 07 02 01 12 01 01 12 01 03	Chất thải được loại bỏ tạp chất, đánh tơi, nghiền và phối trộn với nguyên liệu tự nhiên như đất sét theo tỷ lệ phối liệu, và định lượng, nạp vào lò nung clinker theo đường tháp trao đổi nhiệt (đường nguyên liệu)	

		12 07 06 12 08 02 12 09 01 12 09 04	
1.3	Các loại vật liệu mài mòn, lõi khuôn đúc thép, phoi từ quá trình gia công tạo hình kim loại	05 08 01 05 09 01 07 03 08 07 03 10 07 03 11 15 02 08 11 04 01 11 04 02 19 11 02	
1.4	Các loại tro, xỉ, bụi, bột thép	01 01 02 01 01 03 01 02 01 01 02 03 02 06 01 02 09 01 02 11 04 04 01 01 04 01 03 04 02 01 04 02 02 05 02 01 05 02 02 05 02 03 05 02 06 05 02 07 05 03 01 05 03 03 05 03 04 05 03 08 05 04 01 05 04 05 05 05 01	Chất thải được loại bỏ tạp chất, đánh tơi, nghiền và phối trộn với nguyên liệu tự nhiên như đất sét theo tỷ lệ phối liệu, và định lượng, nạp vào lò nung clinker theo đường tháp trao đổi nhiệt (đường nguyên liệu)
		05 07 01 05 07 02 05 07 04 05 08 02 05 08 03 05 08 06 05 09 02 05 09 03 05 09 06 06 01 01	

		06 01 02 07 04 01 07 04 02 08 02 01 12 01 05 12 01 07 12 04 01 11 01 01 11 07 01 12 01 08 12 02 01 12 03 02 12 04 02 12 06 02 12 06 03 17 05 01 17 05 06 19 07 02 19 08 01	
1.5	Cặn bùn thải, cặn nước thải, muối và dung dịch muối thải, chất thải có kim loại nặng Chất thải rắn, cặn phản ứng, phẩm màu có các thành phần nguy hại	19 10 02 01 01 01 01 04 03 02 03 02 02 03 03 02 04 01 02 04 03 02 10 01 03 04 09 03 05 09 03 07 05 05 10 02 05 10 03 07 01 10 10 02 02 12 02 06	Chất thải được loại bỏ tạp chất, đánh to, nghiền và phối trộn với nguyên liệu tự nhiên như đất sét theo tỷ lệ phối liệu, và định lượng, nạp vào lò nung clinker theo đường tháp trao đổi nhiệt (đường nguyên liệu)
1.6	Các loại chất hấp phụ, bã lọc, cặn đáy thải	03 01 07 03 06 05	
1.7	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	03 02 07 03 03 07 03 04 07 03 05 07 03 06 07 03 07 07	
1.8	Chất phụ gia thải	03 02 09	
1.9	Chất thải từ quá trình xử lý xi muối và xi đen có các thành phần nguy hại	05 02 11	

1.10	Vật liệu xây dựng thải	11 08 03		
1.11	Chất thải nguy hại đã ổn định hoá một phần	12 03 01		
1.12	Vụn sơn, gỉ sắt bóc tách từ bề mặt phương tiện	15 02 09		
1.13	Các loại vật liệu lót và chịu lửa thải có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 06 02 19 11 01 19 11 03		
II	Nhóm chất thải nạp vào Calciner			80.800.000
1	Nhóm chất thải dễ cháy có nhiệt trị cao được nạp tại buồng đốt Calciner làm nhiên liệu thay thế.			
1.1	Các loại dầu mỡ thải, các loại sáp mỡ thải	01 04 04 01 04 09 07 03 02 07 03 05 12 02 03 15 01 07 15 02 05 16 01 08 17 01 05 17 01 06 17 01 07 17 02 02 17 02 03 17 02 04 17 03 03 17 03 04 17 03 05 17 04 01 17 04 02 17 04 03 17 05 04 17 06 01 17 06 02 17 06 03 17 07 03 19 07 01 07 03 06 17 07 04 08 02 05 12 06 04	Chất thải dạng rắn dễ cháy được trộn với than theo tỷ lệ nhất định, nghiền, nạp qua vòi phun than vào Calciner hoặc được nạp qua hệ thống băng tải vận chuyển và van quay cấp liệu vào Calciner Chất thải dạng lỏng dễ cháy được nạp qua hệ thống bơm chất lỏng và được đốt tại buồng đốt Calciner.	

1.2	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	11 02 01 09 01 01 12 08 01 16 01 14	
1.3	Hỗn hợp bitum có nhựa than đá thải	11 03 01	
1.4	Các loại nhựa, bao bì nhựa và hộp mực in thải	18 01 03 07 01 09 08 02 04 11 03 02 12 06 01	
1.5	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 07 02 02 11 02 04 02 13 12 01 04	
1.6	Chất thải rắn lỏng dễ cháy có các thành phần nguy hại	12 02 04 08 01 05 12 02 05 19 12 05	Chất thải dạng rắn dễ cháy được trộn với than theo tỷ lệ nhất định, nghiền, nạp qua vòi phun than vào Calciner hoặc được nạp qua hệ thống băng tải vận chuyển và van quay cấp rác vào Calciner; Chất thải dạng lỏng dễ cháy được nạp qua hệ thống bơm chất lỏng và được đốt tại buồng đốt Calciner.
1.7	Hắc ín (tar) thải	01 04 06 01 05 01 12 07 02 05 02 05 05 07 03	
1.8	Bao bì thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	14 01 05 14 01 06 18 01 01 18 01 04 18 02 01	
1.9	Váng bọt dễ cháy hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước	05 02 04	
1.10	Váng bọt có các thành phần nguy hại	05 03 02	
1.11	Da thú thải	10 01 02	
1.12	Chất quang hóa thải	16 01 04	
2	Nhóm chất thải nạp vào lò nung clinker tại buồng đốt Calciner để thiêu hủy nhờ nhiệt độ, không có giá trị làm nguyên liệu hay nhiên liệu thay thế.		

2.1	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06	Chất thải dạng rắn được trộn với than theo tỷ lệ nhất định, nghiền, nạp qua vòi phun than vào Calciner hoặc được nạp qua hệ thống băng tải vận chuyển và van quay cấp liệu vào Calciner. ; Chất thải dạng lỏng được nạp qua hệ thống bơm chất lỏng và được đốt tại buồng đốt Calciner.
2.2	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	05 08 04 05 09 04	
2.3	Chất tách khuôn thải có các thành phần nguy hại	05 08 05 05 09 05	
2.4	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	07 01 06 10 02 04	
2.5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	07 01 07	
2.6	Chất thải từ quá trình tráng rửa, làm sạch bề mặt	07 02 02	
2.7	Nước thải từ quá trình xử lý khí và các loại nước thải khác	12 01 02 12 09 04	
2.8	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	15 02 12 17 05 05	
2.9	Các loại nhũ tương thải	17 07 02 07 03 04 17 07 01 17 01 03	
2.10	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	19 03 01	
2.11	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	19 12 01	
2.12	Các chất bảo quản gỗ thải	09 02 01 09 02 02 09 02 03 09 02 04 09 02 05	
2.13	Chất thải từ quá trình tẩy mỡ nhờn	10 01 01	

2.14	Chất tẩy rửa, nước thải có thành phần nguy hại	16 01 10 10 01 03 19 10 01 12 07 03 07 02 03 10 02 01 12 05 01 15 02 11 19 01 08		
III	Chất thải được nạp vào lò nung clinker tại buồng đốt cuối lò			62.800.000
1	Nhóm chất thải dễ cháy có nhiệt trị cao được nạp tại buồng đốt cuối lò làm nhiên liệu thay thế.			
1.1	Các loại dầu mỡ thải	01 04 04 01 04 09 07 03 02 07 03 05 12 02 03 15 01 07 15 02 05 16 01 08 17 01 05 17 01 06 17 01 07 17 02 02 17 02 03 17 02 04 17 03 03 17 03 04 17 03 05 17 04 01 17 04 02 17 04 03 17 05 04 17 06 01 17 06 02 17 06 03 17 07 03 19 07 01 07 03 06 17 07 04	Chất thải dạng rắn dễ cháy được trộn với than theo tỷ lệ nhất định, nghiền, nạp vào lò nung clinker qua vòi phun than; Chất thải dạng lỏng dễ cháy được nạp qua hệ thống bơm chất lỏng và được đốt tại buồng đốt cuối lò quay.	

	(mother liquor) dung dịch tẩy rửa thải và dung môi hữu cơ	03 02 03 03 03 03 03 04 03 03 05 03 03 06 03 03 07 03 19 03 02 07 01 06		
2.14	Dung môi thải (kiềm)	08 01 05 16 01 01 16 01 03 17 08 03		
	Tổng cộng			224.400.000

3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại: Không có

4. Địa bàn hoạt động:

Vùng	Tỉnh
Trung du và miền núi phía Bắc	“Toàn bộ vùng”
Đồng bằng sông Hồng	“Toàn bộ vùng”
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	“Toàn bộ vùng”
Tây Nguyên	“Toàn bộ vùng”
Đông Nam Bộ	“Toàn bộ vùng”
Đồng bằng sông Cửu Long	“Toàn bộ vùng”

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:

1.1. Thiết bị lưu giữ chất thải

- Thùng 240 - 1.000 lít.
- Bao bì mềm PE, PP.
- 01 Silo chứa chất thải rắn: 15m³
- 02 téc chứa chất lỏng 10m³/téc

1.2. Kho/khu lưu giữ chất thải

a) Khu vực phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 sân phơi bùn diện tích 1.746,5m² có hệ thống tường bao quanh và hệ thống thu gom nước mưa xung quanh.

b) Khu vực phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại (lưu giữ cả các chất thải rắn công nghiệp thông thường), gồm 6 kho:

- Kho số 1: Diện tích khoảng 105,6 m².
- Kho số 2: Diện tích khoảng 343 m².
- Kho số 3: Diện tích khoảng 343,62 m².



Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn chân thành cảm ơn, kính chúc Quý khách hàng, đối tác thành công và phát triển thịnh vượng. Sự đồng hành của Quý vị là niềm vinh dự của chúng tôi.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Địa chỉ: Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Tel: (84-226) 3851 323 * **Fax:** (84-226) 3851 320

Email : vanphong@vicembutson.com.vn



MÔI TRƯỜNG HÔM NAY • CUỘC SỐNG NGÀY MAI
Today's Environment • Tomorrow's Life





VICEM
BÚT SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN
Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
Tel: (84-226) 3851 323 * Fax: (84-226) 3851 320
Email: vanphong@vicembutson.com.vn